

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN H  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----  
Bản án số: 02/2018/DSST  
Ngày 25/01/2018  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN H, TỈNH KIÊN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Đình Khắc Việt**

Ông **Ngô Rô Be**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Danh Vũ** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2017/TLST-DS ngày 02/11/2017 về vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-DS ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Thùy L (Đ)**, sinh năm 1969 (*có mặt*).

Địa chỉ: SN 22, Tổ 07, ấp Kinh 8B, xã Thạnh Đông A, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

\* *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Thanh N**, sinh năm 1976 (*có mặt*).

Anh **Ngô Chí T**, sinh năm 1979 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: tổ 07, ấp Kinh 8B, xã Thạnh Đông A, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy L trình bày:*

Nguyên trước đây vợ chồng chị N anh T có vay tiền của chị L nhiều lần, đến ngày 05/12/2016 chị N anh T có viết giấy mượn tiền của chị L số tiền tổng cộng là 197.000.000 đồng, với lãi suất là 2%/tháng và hạn đến ngày 27/01/2017 sẽ thanh toán 60.000.000 đồng, số còn lại sẽ thanh toán vào vụ Đông Xuân 2017. Đến ngày 05/7/2017 chị N anh T tiếp tục vay của chị L số tiền là 33.500.000 đồng có viết biên nhận cho chị và hạn đến vụ ba là ngày 05/10/2017 sẽ thanh toán tiền cho chị L. Đến hạn chị N anh T không trả số tiền gốc và cũng không trả lãi cho chị L, chị L có yêu cầu chị N anh T trả tiền nhiều lần nhưng chị N anh T cứ hạn nhưng không trả.

Nay tại phiên tòa chị L yêu cầu chị N anh T trả cho chị L số tiền còn thiếu tổng cộng là 230.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật và yêu cầu trả đủ một lần.

***\* Bị đơn chị Trần Thị Thanh N trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:***

Chị N thống nhất với chị L về việc trước đây chị có vay tiền của chị L nhiều lần và có viết giấy mượn tiền như trên là đúng. Chị N cho rằng trước đây vào tháng 3 năm 2015 chị có vay tiền của chị L số tiền là 60.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, sau 20 ngày thì chị đã trả số tiền trên cho chị L, sau đó chị có mượn lại của chị L số tiền là 60.000.000 đồng với lãi suất 20.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 7 năm 2015 chị L đòi cả gốc và lãi thì chị N không đủ tiền trả nên chị L có đến trường của chị N công tác để yêu cầu giải quyết, khi đó chị N có viết giấy mượn của chị L số tiền gốc là 60.000.000 đồng cùng số tiền lãi. Sau khi mượn tiền thì chị cũng có trả cho chị L nhiều lần Hè Thu 2016 trả 18.000.000 đồng, Đông Xuân 2016 trả 8.000.000 đồng, vụ ba năm 2016 trả 4.000.000 đồng, nhưng chị L cứ trừ đi rồi lại cộng lại thành gốc. Ngoài ra chị N còn chơi hụi với chị L và chưa trả cho chị L, nên vào ngày 05/12/2016 chị có viết giấy mượn tiền của chị L với nội dung là có mượn chị L 197.000.000 đồng, nhưng do lãi phát sinh quá nhiều chị N không có khả năng trả nên chị L trừ đi rồi lại cộng tiếp thành gốc và yêu cầu chị N ghi thêm chị L mượn dùm cho chị N số tiền là 33.500.000 đồng cho nên tính đến nay số tiền theo giấy mượn tiền là 230.500.000 đồng. Chị N cho rằng chị L bắt chị viết giấy mượn nợ và có anh T ký là do chị L nói nếu anh T không ký vào giấy mượn nợ thì sẽ lên trường chị N công tác thưa kiện, vì lý do đó nên chị N mới nói với anh T và anh T sợ ảnh hưởng tới công việc của chị N nên mới ký giấy mượn nợ ngày 05/12/2016, số tiền mượn của chị L thì anh T không biết gì, chỉ có giữa chị N và chị L tính toán với nhau, sau này khi chị L đòi nợ thì anh T mới biết. Khi chị N trả tiền cho chị L thì không có làm giấy tờ gì và cũng không có ai biết, khi chị Ngọc viết biên nhận cho chị L thì cũng không có ai biết chỉ có chị L và chị

N biết. Mục đích chị N vay tiền của chị L là để đáo hạn Ngân hàng, khi đó chị N vay tiền Ngân hàng để sửa chữa nhà.

Nay chị N xác nhận vợ chồng chị còn nợ của chị L tổng cộng số tiền là 230.500.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng*), chị đồng ý tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày viết giấy mượn tiền, nhưng chị xin được trả dần số tiền trên mỗi mùa lúa là 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình chị gặp nhiều khó khăn, không có khả năng trả đủ một lần, ngoài các giấy tờ chị đã nộp cho Tòa án thì chị không còn tài liệu chứng cứ gì khác.

**\* Bị đơn anh Ngô Chí T trình bày tại tờ tường trình ngày 10/11/2017:** việc chơi hụi và mượn tiền giữa vợ anh là chị Trần Thị Thanh N với chị Phạm Thị Thùy L như thế nào anh không biết, chị N không nói với anh, anh chỉ biết chị N có chơi hụi với chị L còn việc chị N chơi hụi với những ai, đóng tiền như thế nào anh không biết, có một lần chị L nhờ anh ký vào giấy mượn tiền, anh không biết số tiền là bao nhiêu và là tiền gì nhưng do chị L nói ký đi rồi mỗi mùa trả một ít, nếu không ký thì chị L đến trường nơi chị N công tác kiện, anh T sợ ảnh hưởng đến công việc của vợ anh nên mới ký giấy, sau đó thì chị L có đến đòi nhưng do làm lúa bị thất nên vợ chồng không có khả năng trả nợ cho chị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Ngô Chí T với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh T vắng mặt. Xét thấy anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Thùy L và chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu của chị L yêu cầu chị N anh T trả cho chị L số tiền còn thiếu là 230.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy trước đây chị L có cho chị N vay nhiều lần, ngày 05/12/2016 chị N, anh T có viết và ký vào giấy mượn tiền với nội dung chị N và anh T có mượn của chị L số tiền là 197.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng và hẹn đến ngày 27/01/2017 trả cho chị L 60.000.0000 đồng, số còn lại sẽ trả vào mùa Đông Xuân 2017, ngày 05/7/2017 chị N tiếp tục viết biên nhận với nội dung chị L có mượn từ chị N anh T số tiền là 33.500.000 đồng và hẹn đến ngày 05/10/2017 sẽ trả, tổng cộng số tiền chị N anh T viết nhận nợ cho chị L là 230.500.000 đồng, đến hẹn như đã thỏa thuận

thì chị N anh T không đóng lãi và cũng không trả số tiền gốc cho chị L, chị N và chị L thống nhất hiện nay vợ chồng chị N anh T còn nợ của chị L số tiền là 230.500.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[4] Xét yêu cầu của chị L yêu cầu vợ chồng chị N anh T phải trả lãi theo quy định của pháp luật trên số tiền còn thiếu kể từ ngày viết biên nhận cho đến nay là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì “*Lãi suất vay do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*” theo hợp đồng vay tiền giữa chị L và vợ chồng chị N anh T thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng là cao hơn so với quy định của pháp luật nên cần được điều chỉnh, lãi suất theo quy định của pháp luật là  $20\%/năm : 12 \text{ tháng} = 1,66\%/tháng$ . Cụ thể số tiền lãi như sau:

- Đối với khoản vay 197.000.000 đồng kể từ ngày 05/12/2016 đến ngày 25/01/2018 là 13 tháng 20 ngày:  $197.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 13 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 44.692.733 \text{ đồng}$  (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*).

- Đối với khoản vay 33.500.000 đồng kể từ ngày 05/07/2017 đến ngày 25/01/2018 là 06 tháng 20 ngày:  $33.500.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 6 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 3.707.333 \text{ đồng}$  (*Ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Tổng cộng số tiền lãi là 48.400.066 đồng, làm tròn thành 48.400.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng*).

[5] Xét lời khai của chị N cho rằng chị N đồng ý trả nợ cho chị L, nhưng hiện nay kinh tế gia đình chị đang gặp khó khăn nên chị xin trả dần cho chị L mỗi mùa lúa là 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, việc xin trả dần cho của chị N không được chị L đồng ý, nên yêu cầu của chị N không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trước đây chị L và vợ chồng chị N anh T đã thỏa thuận để cho chị N anh T trả dần số tiền vay nhưng chị N anh T không thực hiện đúng theo thỏa thuận làm ảnh hưởng tới quyền lợi chính đáng của chị L, mặt khác theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của tòa án nhân dân tối cao – viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp - Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Xét lời khai của anh T cho rằng việc nợ tiền giữa chị N và chị L thì anh T không biết, chị N không nói cho anh T biết, sau này khi chị L đến đòi nợ thì anh T mới biết, việc anh T ký vào giấy mượn tiền là do chị L kêu anh T ký và anh T sợ ảnh hưởng tới công việc của chị N nên anh T mới ký tên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của luật này*”.

Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”.

Hội đồng xét xử xét thấy khoản nợ chị N anh T vay của chị L phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên cần buộc vợ chồng chị N anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền gốc là 230.500.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng*), lãi là 48.400.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng*), tổng cộng gốc và lãi là 278.900.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm ngàn đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 278.900.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm ngàn đồng*).

Án phí tính như sau: 278.900.000 đồng x 5% = 13.945.000 đồng (*Mười ba triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

- Yêu cầu của chị L được chấp nhận nên chị L không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho chị Phạm Thị Thủy L số tiền tạm ứng án phí là 5.762.500 đồng (*Năm triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007646 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị Trần Thị Thanh N anh Ngô Chí T phải nộp 13.945.000 đồng (*Mười ba triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 351, 463, 466 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thuỳ L.

2. Bác lời khai của chị Trần Thanh N và anh Ngô Chí T.

3. Buộc chị Trần Thị Thanh N anh Ngô Chí T trả cho chị Phạm Thị Thuỳ L tổng cộng số tiền là 278.900.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Trả lại cho chị Phạm Thị Thuỳ L số tiền tạm ứng án phí là 5.762.500 đồng (*Năm triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007646 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị Trần Thị Thanh N anh Ngô Chí T phải nộp 13.945.000 đồng (*Mười ba triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Ngô Chí T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Tân H;
- Chi cục THA huyện Tân H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Ngọc Ái**

